

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**

TIẾT 18: KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Kiểm tra học sinh kiến thức học kì I, cụ thể :

- Chuyển động cơ học. Chuyển động đều, chuyển động không đều
- Vận tốc.
- Lực. Lực ma sát. Biểu diễn lực. Hai lực cân bằng
- Áp suất. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.
- Lực đẩy Ác – si – mét. Sự nổi.

2. Kỹ năng: Rèn luyện cho HS các kỹ năng:

- Giải thích các sự vật, hiện tượng liên quan trong thực tế.
- Vận dụng công thức tính vận tốc, áp suất chất lỏng, lực đẩy Ác – si – mét để giải bài tập.

3. Thái độ: Trung thực, nghiêm túc, cẩn thận, ... khi làm bài kiểm tra.

4. Năng lực: Giải quyết vấn đề, tư duy, tính toán, sáng tạo.

II. Ma trận đề

Kiến thức và kỹ năng cơ bản	Cấp độ nhận thức								Tổng
	Nhận biết (40%)		Hiểu (30%)		Vận dụng (20%)		Vận dụng cao (10%)		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chuyển động cơ học. Chuyển động đều, không đều. Vận tốc	6 1,5đ						1 0,25đ	1 0,5đ	8 2,25đ
Lực. Lực ma sát. Biểu diễn lực. Hai lực cân bằng	6 1,5đ								6 1,5đ
Áp suất. Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.	2 0,5đ			2 2,5đ					4 3,0đ
Lực đẩy Ác – si – mét. Sự nổi.	2 0,5đ		2 0,5đ			1 2đ	1 0,25đ		6 3,25đ
Tổng hợp	16 <i>4,0 điểm</i>		4 <i>3,0 điểm</i>		1 <i>2,0 điểm</i>		3 <i>1,0 điểm</i>		24 <i>10 đ</i>

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

Mã đề 01

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Chuyển động của cái điều trên không trung.
- C. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.
- D. Một mẫu phấn được ném ra xa.

Câu 2: Chuyển động **không** đều là chuyển động mà:

- A. vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.
- B. vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.
- C. vận tốc có hướng thay đổi theo thời gian.
- D. vận tốc có hướng không thay đổi theo thời gian.

Câu 3: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của học sinh đang tăng tốc về đích.
- B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.
- C. Viên bi khi đang lăn lên mặt phẳng nghiêng.
- D. Xe đạp được thả tự do đang đi xuống dốc.

Câu 4: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của vận tốc là:

- A. Tốc kế
- B. Lực kế
- C. Nhiệt kế
- D. Vôn kế

Câu 5: Một vật được coi là đứng yên khi:

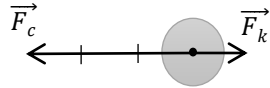
- A. vị trí của vật đó so với một điểm mốc luôn thay đổi
- B. khoảng cách của vật đó đến một đường thẳng làm mốc không thay đổi
- C. vị trí của vật đó so với vật mốc không đổi theo thời gian
- D. khoảng cách của vật đó đến điểm mốc không thay đổi

Câu 6: Chuyển động nào sau đây là chuyển động cong ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Máy bay đang bay lên thẳng.
- C. Một thang máy đang đi lên trên.
- D. Quả bóng được cầu thủ đá bay lên cao.

Câu 13: *Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?*

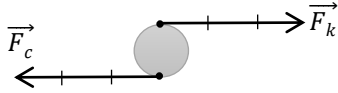
A.



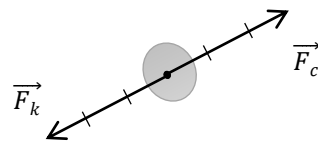
C.



B.



D.



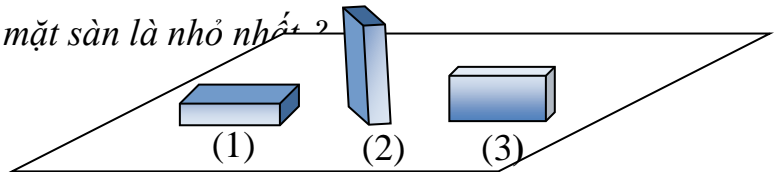
Câu 14: *Trạng thái nào dưới đây có được do cân bằng lực?*

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
- B. Em bé chơi cầu trượt.
- C. Xe ô tô chạy với vận tốc trung bình 60km/h.
- D. Cái tủ nằm yên trên sàn nhà.

Câu 15 : *Lần lượt đặt 3 viên gạch giống nhau theo 3 cách khác nhau (hình bên).*

Cách đặt nào áp suất của viên gạch lên mặt sàn là nhỏ nhất ?

- A. Cách (1) C. cách (3)
- B. Cách (2) D. Cách (2) và (3)



Câu 16: *Càng lên cao, áp suất khí quyển:*

- A. càng tăng C. không thay đổi
- B. càng giảm D. Có thể tăng và cũng có thể giảm

Câu 17: *Khi vật nổi trên mặt nước thì lực đẩy Ác-si-mét có cường độ:*

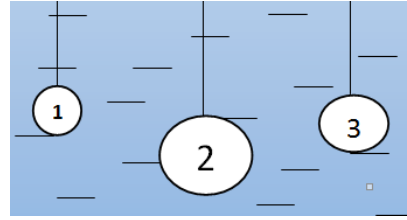
- A. bằng trọng lượng của phần vật chìm trong nước.
- B. bằng trọng lượng của phần nước bị vật chiếm chỗ.
- C. bằng trọng lượng riêng của vật.
- D. bằng trọng lượng riêng của nước nhân với thể tích của vật.

Câu 18: *Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào*

- A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.
- B. trọng lượng riêng và thể tích của vật.
- C. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
- D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

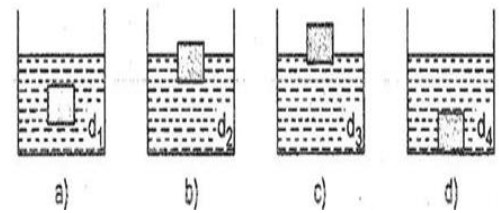
Câu 19: Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước. Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?

- A. Quả 3, vì nó ở sâu nhất
- B. Quả 2, vì nó lớn nhất
- C. Quả 1, vì nó nhỏ nhất
- D. Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước



Câu 20: Cùng một vật được thả vào bốn bình đựng bốn chất lỏng khác nhau (hình bên). Hãy dựa vào hình vẽ, so sánh trọng lượng riêng của các chất lỏng:

- A. $d_1 > d_2 > d_3 > d_4$
- B. $d_4 > d_1 > d_2 > d_3$
- C. $d_3 > d_2 > d_1 > d_4$
- D. $d_4 > d_1 > d_3 > d_2$



II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Một vật được treo vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ giá trị $P_1 = 5(N)$. Khi nhúng vật chìm trong nước, lực kế chỉ giá trị $P_2 = 3,2(N)$. Biết trọng lượng riêng của nước là $10^4 (N/m^3)$. Bỏ qua lực đẩy Ác – si – mét của không khí. Tính thể tích của vật?

Câu 2 (2,5 điểm): Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là $10^4 (N/m^3)$.

- a. Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.
- b. Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

Câu 3. (0,5 điểm): Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2 km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9 km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5 km với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

Mã đề 02

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Chuyển động không đều là chuyển động mà:

- A. vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.
- B. vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.
- C. vận tốc có hướng thay đổi theo thời gian.
- D. vận tốc có hướng không thay đổi theo thời gian.

Câu 2: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của học sinh đang tăng tốc về đích.
- B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.
- C. Viên bi khi đang lăn lên mặt phẳng nghiêng.
- D. Xe đạp được thả tự do đang đi xuống dốc.

Câu 3: Chuyển động nào sau đây là chuyển động cong ?

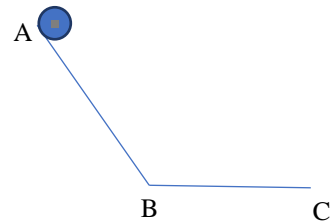
- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Máy bay đang bay lên thẳng.
- C. Một thang máy đang đi lên trên.
- D. Quả bóng được cầu thủ đá bay lên cao.

Câu 4: Một hòn bi lăn trên máng nghiêng từ vị trí A đến B. Sau khi đến B, hòn bi lăn tiếp một đoạn BC rồi dừng lại. Biết $AB = 5\text{km}$,

$BC = 4\text{ km}$; $t_{AB} = 0,5\text{h}$; $t_{BC} = 0,7\text{h}$ (hình bên).

Vận tốc trung bình hòn bi đi hết quãng đường AC là:

- A. 10km/h
- B. 7,5km/h
- C. 5,7km/h
- D. 2,5km/h

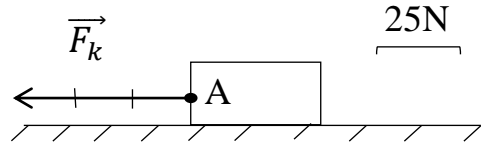


Câu 5: Nếu thả một chiếc nhẫn đặc bằng bạc (Ag) vào thủy ngân (Hg) thì:

- A. nhẫn chìm vì $d_{\text{Ag}} > d_{\text{Hg}}$
- B. nhẫn chìm vì $d_{\text{Ag}} < d_{\text{Hg}}$
- C. nhẫn nổi vì $d_{\text{Ag}} < d_{\text{Hg}}$
- D. nhẫn nổi vì $d_{\text{Ag}} > d_{\text{Hg}}$

Câu 6: Cho hình vẽ bên, câu phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Lực kéo có điểm đặt A.
- B. Lực kéo có phương nằm ngang.
- C. Lực kéo có chiều từ trái sang phải.
- D. Lực kéo có độ lớn $F_k = 75\text{N}$.



Câu 7: Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

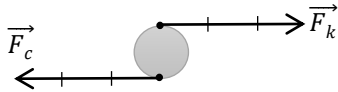
- A. Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.
- B. Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường.
- D. Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

Câu 8: Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?

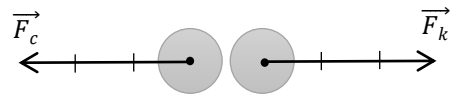
A.



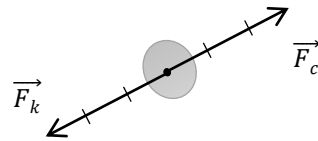
B.



C.



D.



Câu 9: Càng lên cao, áp suất khí quyển:

- A. càng tăng
- B. càng giảm
- C. không thay đổi
- D. Có thể tăng và cũng có thể giảm

Câu 10: Khi vật nổi trên mặt nước thì lực đẩy Ác-si-mét có cường độ:

- A. bằng trọng lượng của phần vật chìm trong nước.
- B. bằng trọng lượng của phần nước bị vật chiếm chỗ.
- C. bằng trọng lượng riêng của vật.
- D. bằng trọng lượng riêng của nước nhân với thể tích của vật.

Câu 11: Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn ?

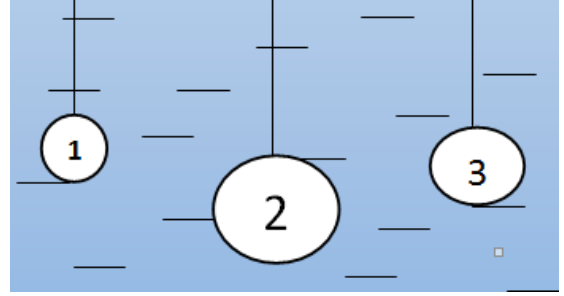
- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Chuyển động của cái diều trên không trung.
- C. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.
- D. Một mẫu phấn được ném ra xa.

Câu 12: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của vận tốc là:

- A. Tốc kế
- B. Lực kế
- C. Nhiệt kế
- D. Vôn kế

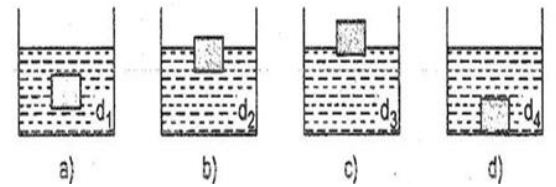
Câu 13: Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước. Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?

- A. Quả 3, vì nó ở sâu nhất
- B. Quả 2, vì nó lớn nhất
- C. Quả 1, vì nó nhỏ nhất
- D. Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước



Câu 14: Cùng một vật được thả vào bốn bình đựng bốn chất lỏng khác nhau (hình bên). Hãy dựa vào hình vẽ, so sánh trọng lượng riêng của các chất lỏng:

- A. $d_1 > d_2 > d_3 > d_4$
- B. $d_4 > d_1 > d_2 > d_3$
- C. $d_3 > d_2 > d_1 > d_4$
- D. $d_4 > d_1 > d_3 > d_2$



Câu 15: Một vật được coi là đứng yên khi:

- A. vị trí của vật đó so với một điểm mốc luôn thay đổi
- B. khoảng cách của vật đó đến một đường thẳng làm mốc không thay đổi
- C. vị trí của vật đó so với vật mốc không đổi theo thời gian
- D. khoảng cách của vật đó đến điểm mốc không thay đổi

Câu 16: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện **không** phải là lực ma sát ?

- A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.
- B. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.
- C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.
- D. Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 17: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?

- A. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

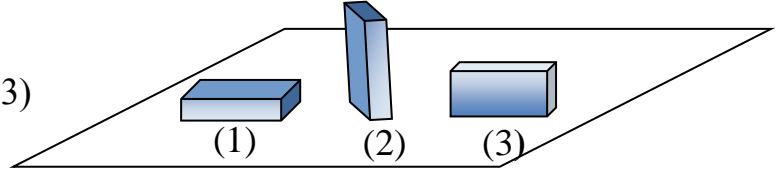
Câu 18: Trạng thái nào dưới đây có được do cân bằng lực?

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống. C. Xe ô tô chạy với vận tốc trung bình 60km/h.
 B. Em bé chơi cầu trượt. D. Cái tủ nằm yên trên sàn nhà.

Câu 19 : Lần lượt đặt 3 viên gạch giống nhau theo 3 cách khác nhau (hình bên).

Cách đặt nào áp suất của viên gạch lên mặt sàn là nhỏ nhất ?

- A. Cách (1) C. cách (3)
 B. Cách (2) D. Cách (2) và (3)



Câu 20: Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào

- A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.
 B. trọng lượng riêng và thể tích của vật.
 C. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
 D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Một vật được treo vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ giá trị $P_1 = 5$ (N). Khi nhúng vật chìm trong nước, lực kế chỉ giá trị $P_2 = 3,2$ (N). Biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m³). Bỏ qua lực đẩy Ác – si – mét của không khí. Tính thể tích của vật nặng?

Câu 2 (2,5 điểm): Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m³).

- a. Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.
 b. Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

Câu 3. (0,5 điểm): Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5km

với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

Mã đề 03

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Một vật được coi là đứng yên khi:

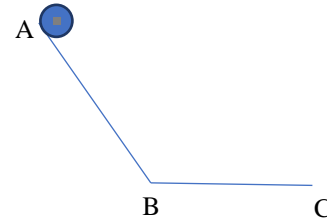
- A. vị trí của vật đó so với một điểm mốc luôn thay đổi.
- B. khoảng cách của vật đó đến một đường thẳng làm mốc không thay đổi
- C. vị trí của vật đó so với vật mốc không đổi theo thời gian
- D. khoảng cách của vật đó đến điểm mốc không thay đổi

Câu 2: Chuyển động nào sau đây là chuyển động cong ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Máy bay đang bay lên thẳng.
- C. Một thang máy đang đi lên trên.
- D. Quả bóng được cầu thủ đá bay lên cao.

Câu 3: Một hòn bi lăn trên máng nghiêng từ vị trí A đến B. Sau khi đến B, hòn bi lăn tiếp một đoạn BC rồi dừng lại. Biết $AB = 5\text{km}$, $BC = 4\text{ km}$; $t_{AB} = 0,5\text{h}$; $t_{BC} = 0,7\text{h}$ (hình bên). Vận tốc trung bình hòn bi đi hết quãng đường AC là:

- A. 10km/h
- B. 7,5km/h
- C. 5,7km/h
- D. 2,5km/h



Câu 4: Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

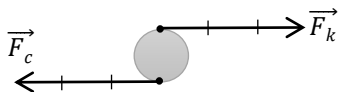
- A. Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.
- B. Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.
- C. Ma sát giữa lớp xe với mặt đường.
- D. Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

Câu 5: Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?

A.



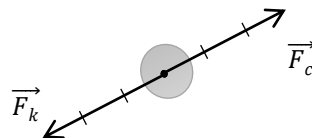
B.



C.



D.

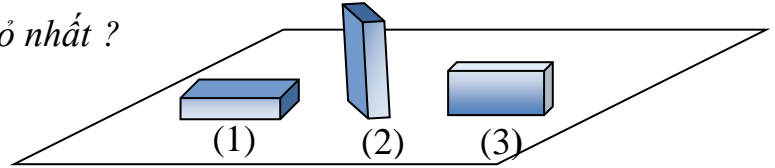


Câu 6: Trạng thái nào dưới đây có được do cân bằng lực?

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
- B. Em bé chơi cầu trượt.
- C. Xe ô tô chạy với vận tốc trung bình 60km/h.
- D. Cái tủ nằm yên trên sàn nhà.

Câu 7 : Lần lượt đặt 3 viên gạch theo 3 cách khác nhau (hình bên). Cách đặt nào áp suất của viên gạch lên mặt sàn là nhỏ nhất ?

- A. Cách (1) C. cách (3)
- B. Cách (2) D. Cách (2) và (3)



Câu 8: Càng lên cao, áp suất khí quyển:

- A. càng tăng C. không thay đổi
- B. càng giảm D. Có thể tăng và cũng có thể giảm

Câu 9: Khi vật nổi trên mặt nước thì lực đẩy Ác-si-mét có cường độ:

- A. bằng trọng lượng của phần vật chìm trong nước.
- B. bằng trọng lượng của phần nước bị vật chiếm chỗ.
- C. bằng trọng lượng riêng của vật.
- D. bằng trọng lượng riêng của nước nhân với thể tích của vật.

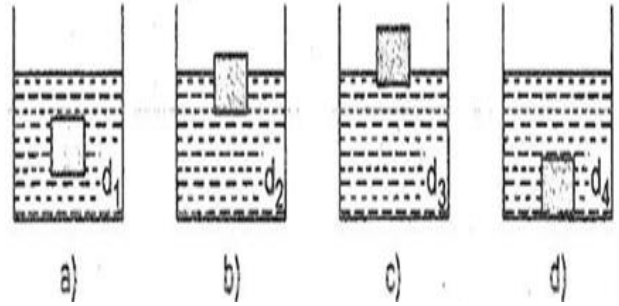
Câu 10: Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào

- A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.
- B. trọng lượng riêng và thể tích của vật.
- C. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
- D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

Câu 11: Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Chuyển động của cái điều trên không trung.
- C. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.
- D. Một mẫu phấn được ném ra xa.

Câu 12: Cùng một vật được thả vào bốn bình đựng bốn chất lỏng khác nhau (hình bên). Hãy dựa vào hình vẽ, so sánh trọng lượng riêng của các chất lỏng:



- A. $d_1 > d_2 > d_3 > d_4$
 B. $d_4 > d_1 > d_2 > d_3$
 C. $d_3 > d_2 > d_1 > d_4$
 D. $d_4 > d_1 > d_3 > d_2$

Câu 13: Chuyển động không đều là chuyển động mà:

- A. vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.
 B. vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.
 C. vận tốc có hướng thay đổi theo thời gian.
 D. vận tốc có hướng không thay đổi theo thời gian.

Câu 14: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của học sinh đang tăng tốc về đích.
 B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.
 C. Viên bi khi đang lăn lên mặt phẳng nghiêng.
 D. Xe đạp được thả tự do đang đi xuống dốc.

Câu 15: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của vận tốc là:

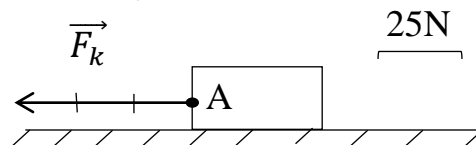
- A. Tốc kế B. Lực kế C. Nhiệt kế D. Vôn kế

Câu 16: Nếu thả một chiếc nhẫn đặc bằng bạc (Ag) vào thủy ngân (Hg) thì:

- A. nhẫn chìm vì $d_{Ag} > d_{Hg}$
 B. nhẫn chìm vì $d_{Ag} < d_{Hg}$
 C. nhẫn nổi vì $d_{Ag} < d_{Hg}$
 D. nhẫn nổi vì $d_{Ag} > d_{Hg}$

Câu 17: Cho hình vẽ bên, câu phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Lực kéo có điểm đặt A.
 B. Lực kéo có phương nằm ngang.
 C. Lực kéo có chiều từ trái sang phải.
 D. Lực kéo có độ lớn $F_k = 75N$.



Câu 18: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện **không** phải là lực ma sát ?

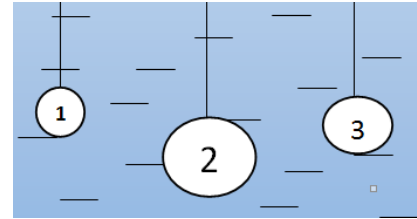
- A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.
- B. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.
- C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị giãn.
- D. Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 19: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?

- A. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

Câu 20: Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước.

Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?



- A. Quả 3, vì nó ở sâu nhất
- B. Quả 2, vì nó lớn nhất
- C. Quả 1, vì nó nhỏ nhất
- D. Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Một vật được treo vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ giá trị $P_1 = 5\text{N}$. Khi nhúng vật chìm trong nước, lực kế chỉ giá trị $P_2 = 3,2\text{N}$. Biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3). Bỏ qua lực đẩy Ác – si – mét của không khí. Tính thể tích của vật nặng?

Câu 2 (2,5 điểm): Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3).

- a. Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.
- b. Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

Câu 3. (0,5 điểm): Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5km với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

Mã đề 04

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Chuyển động của cái điều trên không trung.
- C. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.
- D. Một mẫu phấn được ném ra xa.

Câu 2: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của vận tốc là:

- A. Tốc kế
- B. Lực kế
- C. Nhiệt kế
- D. Vôn kế

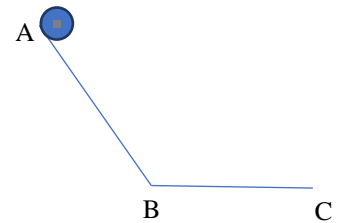
Câu 3: Một vật được coi là đứng yên khi:

- A. vị trí của vật đó so với một điểm mốc luôn thay đổi.
- B. khoảng cách của vật đó đến một đường thẳng làm mốc không thay đổi
- C. vị trí của vật đó so với vật mốc không đổi theo thời gian
- D. khoảng cách của vật đó đến điểm mốc không thay đổi

Câu 4: Chuyển động nào sau đây là chuyển động cong ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
- B. Máy bay đang bay lên thẳng.
- C. Một thang máy đang đi lên trên.
- D. Quả bóng được cầu thủ đá bay lên cao.

Câu 5: Một hòn bi lăn trên máng nghiêng từ vị trí A đến B. Sau khi đến B, hòn bi lăn tiếp một đoạn BC rồi dừng lại. Biết $AB = 5\text{km}$, $BC = 4\text{ km}$; $t_{AB} = 0,5\text{h}$; $t_{BC} = 0,7\text{h}$ (hình bên). Vận tốc trung bình hòn bi đi hết quãng đường AC là:



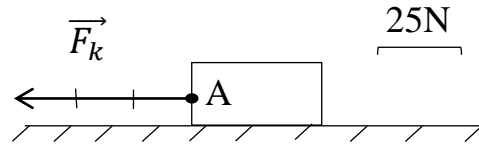
- A. 10km/h
- B. 7,5km/h
- C. 5,7km/h
- D. 2,5km/h

Câu 6: Nếu thả một chiếc nhẫn đặc bằng bạc (Ag) vào thủy ngân (Hg) thì:

- A. nhẫn chìm vì $d_{Ag} > d_{Hg}$
- B. nhẫn chìm vì $d_{Ag} < d_{Hg}$
- C. nhẫn nổi vì $d_{Ag} < d_{Hg}$
- D. nhẫn nổi vì $d_{Ag} > d_{Hg}$

Câu 7: Cho hình vẽ bên, câu phát biểu nào sau đây là **sai** ?

- A. Lực kéo có điểm đặt A.
- B. Lực kéo có phương nằm ngang.
- C. Lực kéo có chiều từ trái sang phải.
- D. Lực kéo có độ lớn $F_k = 75\text{N}$.

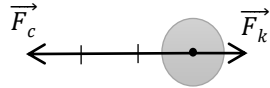


Câu 8: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện **không** phải là lực ma sát ?

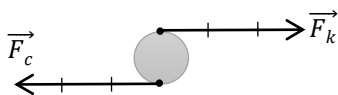
- A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.
- B. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.
- C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.
- D. Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 9: Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?

A.



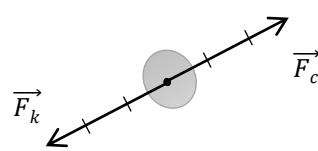
B.



C.



D.



Câu 10: Càng lên cao, áp suất khí quyển:

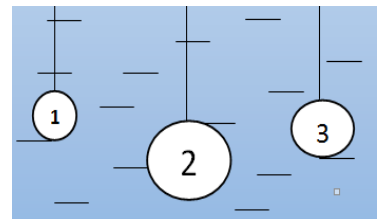
- A. càng tăng
- B. càng giảm
- C. không thay đổi
- D. Có thể tăng và cũng có thể giảm

Câu 11: Khi vật nổi trên mặt nước thì lực đẩy Ác-si-mét có cường độ:

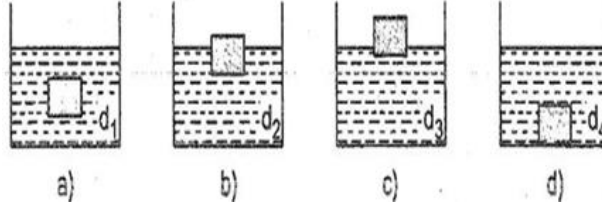
- A. bằng trọng lượng của phần vật chìm trong nước.
- B. bằng trọng lượng của phần nước bị vật chiếm chỗ.
- C. bằng trọng lượng riêng của vật.
- D. bằng trọng lượng riêng của nước nhân với thể tích của vật.

Câu 12: Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước. Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?

- A. Quả 3, vì nó ở sâu nhất
- B. Quả 2, vì nó lớn nhất
- C. Quả 1, vì nó nhỏ nhất
- D. Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước



Câu 13: Cùng một vật được thả vào bốn bình đựng bốn chất lỏng khác nhau (hình bên). Hãy dựa vào hình vẽ, so sánh trọng lượng riêng của các chất lỏng:



- A. $d_1 > d_2 > d_3 > d_4$
- B. $d_4 > d_1 > d_2 > d_3$
- C. $d_3 > d_2 > d_1 > d_4$
- D. $d_4 > d_1 > d_3 > d_2$

Câu 14: Chuyển động không đều là chuyển động mà:

- A. vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.
- B. vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.
- C. vận tốc có hướng thay đổi theo thời gian.
- D. vận tốc có hướng không thay đổi theo thời gian.

Câu 15: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của học sinh đang tăng tốc về đích.
- B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.
- C. Viên bi khi đang lăn lên mặt phẳng nghiêng.
- D. Xe đạp được thả tự do đang đi xuống dốc.

Câu 16: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?

- A. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

Câu 17: Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

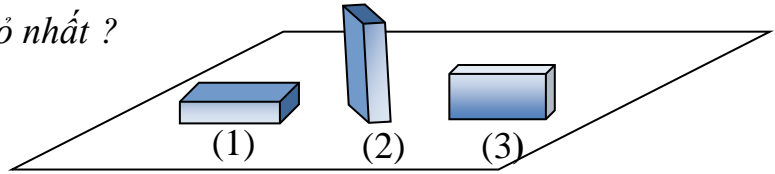
- A. Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.
- B. Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường.
- D. Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

Câu 18: Trạng thái nào dưới đây có được do cân bằng lực?

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
- B. Em bé chơi cầu trượt.
- C. Xe ô tô chạy với vận tốc trung bình 60km/h.
- D. Cái tủ nằm yên trên sàn nhà.

Câu 19 : Lần lượt đặt 3 viên gạch theo 3 cách khác nhau (hình bên). Cách đặt nào áp suất của viên gạch lên mặt sàn là nhỏ nhất ?

- A. Cách (1) C. cách (3)
B. Cách (2) D. Cách (2) và (3)



Câu 20: Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào

- A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.
B. trọng lượng riêng và thể tích của vật.
C. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Một vật được treo vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ giá trị $P_1 = 5\text{N}$. Khi nhúng vật chìm trong nước, lực kế chỉ giá trị $P_2 = 3,2\text{N}$. Biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3). Bỏ qua lực đẩy Ác – si – mét của không khí. Tính thể tích của vật nặng?

Câu 2 (2,5 điểm): Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3).

- Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.
- Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

Câu 3. (0,5 điểm): Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5km với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

Mã đề 05

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Vật lý 8

Năm học: 2020 – 2021

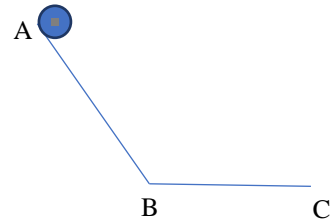
Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm: (5 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Chuyển động nào sau đây là chuyển động cong ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống. C. Một thang máy đang đi lên trên.
B. Máy bay đang bay lên thẳng. D. Quả bóng được cầu thủ đá bay lên cao.

Câu 2: Một hòn bi lăn trên máng nghiêng từ vị trí A đến B. Sau khi đến B, hòn bi lăn tiếp một đoạn BC rồi dừng lại. Biết $AB = 5\text{km}$, $BC = 4\text{ km}$; $t_{AB} = 0,5\text{h}$; $t_{BC} = 0,7\text{h}$ (hình bên). Vận tốc trung bình hòn bi đi hết quãng đường AC là:



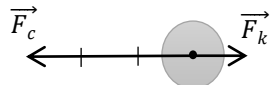
- A. 10km/h C. 5,7km/h
B. 7,5km/h D. 2,5km/h

Câu 3: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện **không** phải là lực ma sát ?

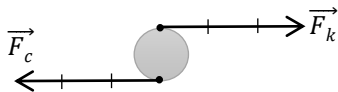
- A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.
B. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.
C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.
D. Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 4: Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?

A.



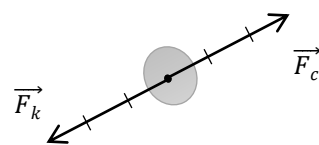
B.



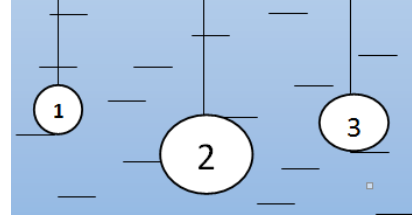
C.



D.

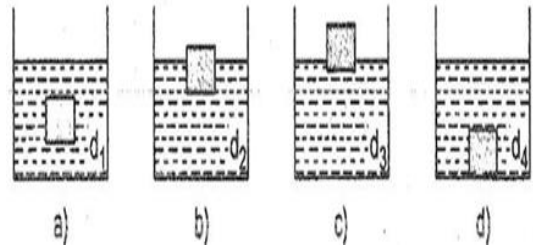


Câu 5: Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước. Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?



- A. Quả 3, vì nó ở sâu nhất
- B. Quả 2, vì nó lớn nhất
- C. Quả 1, vì nó nhỏ nhất
- D. Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước

Câu 6: Cùng một vật được thả vào bốn bình đựng bốn chất lỏng khác nhau (hình bên). Hãy dựa vào hình vẽ, so sánh trọng lượng riêng của các chất lỏng:



- A. $d_1 > d_2 > d_3 > d_4$
- B. $d_4 > d_1 > d_2 > d_3$
- C. $d_3 > d_2 > d_1 > d_4$
- D. $d_4 > d_1 > d_3 > d_2$

Câu 7: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?

- A. Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D. Ma sát giữa má phanh với vành xe.

Câu 8: Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

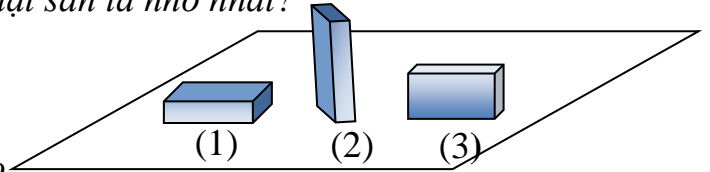
- A. Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.
- B. Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.
- C. Ma sát giữa lốp xe với mặt đường.
- D. Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

Câu 9: Trạng thái nào dưới đây có được do cân bằng lực?

- A. Quả táo rơi từ trên cây xuống.
- B. Em bé chơi cầu trượt.
- C. Xe ô tô chạy với vận tốc trung bình 60km/h.
- D. Cái tủ nằm yên trên sàn nhà.

Câu 10 : Lần lượt đặt 3 viên gạch giống nhau theo 3 cách khác nhau (hình bên).
 Cách đặt nào áp suất của viên gạch lên mặt sàn là nhỏ nhất?

- A. Cách (1) C. cách (3)
 B. Cách (2) D. Cách (2) và (3)



Câu 11: Lực đẩy Ác-si-mét phụ thuộc vào

- A. trọng lượng riêng của chất lỏng và của vật.
 B. trọng lượng riêng và thể tích của vật.
 C. trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
 D. trọng lượng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

Câu 12: Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn ?

- A. Hòn đá rơi từ trên cao xuống.
 B. Chuyển động của cái điều trên không trung.
 C. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.
 D. Một mẫu phấn được ném ra xa.

Câu 13: Dụng cụ dùng để đo độ lớn của vận tốc là:

- A. Tốc kế B. Lực kế C. Nhiệt kế D. Vôn kế

Câu 14: Một vật được coi là đứng yên khi:

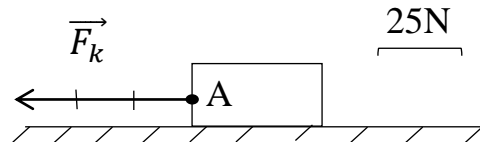
- A. vị trí của vật đó so với một điểm mốc luôn thay đổi.
 B. khoảng cách của vật đó đến một đường thẳng làm mốc không thay đổi
 C. vị trí của vật đó so với vật mốc không đổi theo thời gian
 D. khoảng cách của vật đó đến điểm mốc không thay đổi

Câu 15: Nếu thả một chiếc nhẫn đặc bằng bạc (A_g) vào thủy ngân (H_g) thì:

- A. nhẫn chìm vì $d_{A_g} > d_{H_g}$ B. nhẫn chìm vì $d_{A_g} < d_{H_g}$
 C. nhẫn nổi vì $d_{A_g} < d_{H_g}$ D. nhẫn nổi vì $d_{A_g} > d_{H_g}$

Câu 16: Cho hình vẽ bên, câu phát biểu nào sau đây là sai ?

- A. Lực kéo có điểm đặt A.
 B. Lực kéo có phương nằm ngang.
 C. Lực kéo có chiều từ trái sang phải.
 D. Lực kéo có độ lớn $F_k = 75N$.



Câu 17: Càng lên cao, áp suất khí quyển:

- A. càng tăng C. không thay đổi
 B. càng giảm D. Có thể tăng và cũng có thể giảm

Câu 18: Khi vật nổi trên mặt nước thì lực đẩy Ác-si-mét có cường độ:

- A. bằng trọng lượng của phần vật chìm trong nước.
- B. bằng trọng lượng của phần nước bị vật chiếm chỗ.
- C. bằng trọng lượng riêng của vật.
- D. bằng trọng lượng riêng của nước nhân với thể tích của vật.

Câu 19: Chuyển động không đều là chuyển động mà:

- A. vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.
- B. vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.
- C. vận tốc có hướng thay đổi theo thời gian.
- D. vận tốc có hướng không thay đổi theo thời gian.

Câu 20: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

- A. Chuyển động của học sinh đang tăng tốc về đích.
- B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.
- C. Viên bi khi đang lăn lên mặt phẳng nghiêng.
- D. Xe đạp được thả tự do đang đi xuống dốc.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Một vật được treo vào lực kế để đo lực theo phương thẳng đứng. Khi vật ở trong không khí, lực kế chỉ giá trị $P_1 = 5\text{N}$. Khi nhúng vật chìm trong nước, lực kế chỉ giá trị $P_2 = 3,2\text{N}$. Biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3). Bỏ qua lực đẩy Ác – si – mét của không khí. Tính thể tích của vật nặng?

Câu 2 (2,5 điểm): Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là 10^4 (N/m^3).

- a. Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.
- b. Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

Câu 3. (0,5 điểm): Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2 km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9 km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5 km với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

Phòng GD & ĐT quận Long Biên
Trường THCS Phúc Lợi

KIỂM TRA CUỐI KÌ I
Môn: Vật lý 8
Năm học: 2020- 2021

ĐÁP ÁN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

I. Trắc nghiệm (5 điểm) Mỗi câu chọn đúng: 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đề 1	C	A	B	A	C	D	B	C	C	C	D	D	D	D	A	B	B	C	B	C
Đề 2	A	B	D	B	C	C	D	D	B	B	C	A	B	C	C	C	D	D	A	C
Đề 3	C	D	B	D	D	D	A	B	B	C	C	C	A	B	A	C	C	C	D	B
Đề 4	C	A	C	D	B	C	C	C	D	B	B	B	C	A	B	D	D	D	A	C
Đề 5	D	B	C	D	B	C	D	D	D	A	C	C	A	C	C	C	B	B	A	B

II. Tự luận (5 điểm)

CÂU	Đáp án	ĐIỂM
1	<p>Độ lớn lực đẩy Ác – si – mét tác dụng lên vật là: $F_A = P_1 - P_2 = 5 - 3,2 = 1,8 \text{ (N)}$ Áp dụng công thức: $F_A = d.V \Rightarrow V = \frac{F_A}{d} = \frac{1,8}{10^4} = 1,8 \cdot 10^{-4} \text{ (m}^3\text{)}$ Vậy thể tích của vật là $1,8 \cdot 10^{-4} \text{ (m}^3\text{)}$</p>	1 đ 1 đ
2	<p>a) Áp suất của nước tác dụng lên đáy bình là: $p_1 = d.h_1 = 10^4 \cdot 2,5 = 25\,000 \text{ (Pa)}$ b) Áp suất của nước tác dụng lên điểm B là: $p_2 = d.h_2 = d.(h_1 - h')$ $= 10^4 \cdot (2,5 - 1,6) = 9000 \text{ (Pa)}$</p>	1,5 đ 1 đ
3	<p>Đổi: $15 \text{ m/s} = 54 \text{ km/h}$ Thời gian xe máy đi trên mỗi đoạn đường lần lượt là: $t_1 = \frac{s_1}{v_1} = \frac{2}{36} = \frac{1}{18} \text{ (h)}$ $t_2 = \frac{s_2}{v_2} = \frac{9}{54} = \frac{1}{6} \text{ (h)}$ $t_3 = \frac{s_3}{v_3} = \frac{5}{45} = \frac{1}{9} \text{ (h)}$ Vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi là: $v_{tb} = \frac{s_1 + s_2 + s_3}{t_1 + t_2 + t_3} = \frac{2 + 9 + 5}{\frac{1}{18} + \frac{1}{6} + \frac{1}{9}} = 48 \text{ (km/h)}$</p>	0,25 đ 0,25 đ

Giáo viên ra đề

Tổ, Nhóm CM

BGH duyệt

Đinh Thị Phương Hoa

Tạ Thị Tuyết Sơn

Đặng Thị Tuyết Nhung

